

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 28-6-2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố H Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QDST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H ; nơi cư trú: Thôn A, AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ; nơi cư trú: Thôn A, AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng; có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T ; nơi cư trú: Tổ A, số B phố C, phường Đ, quận D, thành phố H Phòng; vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị H ; nơi cư trú: Thôn A, AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng; vắng mặt

3. Ông Nguyễn Ngọc S ; nơi cư trú: Thôn A, AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng; vắng mặt

Người làm chứng: Cụ Vũ Thị Hy; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Lâm Thị Đ , sinh năm 1948 và cụ Nguyễn Văn U , sinh năm 1943, chung sống vợ chồng từ trước năm 1971 nhưng không đăng ký kết hôn, hai cụ sinh được 02 người con gồm bà và bà Nguyễn Thị Đ. Quá trình chung sống với cụ Đ , cụ U chung sống như vợ chồng với cụ Vũ Thị Hy và sinh được 03 người con là bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1982, bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1987 và ông Nguyễn Ngọc S , sinh năm 1985. Cụ Đ , cụ U không có con nuôi, con riêng nào khác, bố mẹ đẻ của cụ Đ , cụ U đều đã chết trước hai cụ. Ngày 23-5-2015 cụ Đ chết, ngày 03-02-2015 cụ U chết, đều không để lại di chúc. Quá trình chung sống, cụ Đ và cụ U tạo lập được khối tài sản gồm nhà xây cấp 4, bếp đã xuống cấp, công, tường bao trên diện tích đất ở 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 388509 ngày 02-01-1997 đứng tên cụ Lâm Thị Đ . Nguồn gốc mảnh đất là của bố mẹ cụ Đ để lại cho cụ Đ . Từ khi cụ Đ , cụ U chết, nhà đất 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL bà và bà Đ cùng có trách nhiệm trông coi quản lý tài sản. Cụ Nguyễn Văn U từ khi chung sống như vợ chồng với cụ Vũ Thị Hy không ở chung với cụ Đ . Do cụ Đ và cụ U chết đều không để lại di chúc, bà đề nghị Tòa án chia thừa kế 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, thôn AD, xã TL bằng hiện vật cho bà và bà Đ. Bà xin nhận phần đất về phía đông (giáp ao tập thể) giao cho bà Đ phần đất về phía tây (giáp ao tập thể).

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Cụ Lâm Thị Đ và cụ Nguyễn Văn U chung sống vợ chồng từ trước năm 1971, hai cụ sinh được 02 người con gồm bà và bà Nguyễn Thị H . Quá trình chung sống với cụ Đ , cụ U chung sống như vợ chồng với cụ Vũ Thị Hy và sinh được 03 người con là bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc S . Cụ Đ , cụ U không có con nuôi, con riêng nào khác, bố mẹ đẻ của cụ Đ , cụ U đều đã chết trước hai cụ. Ngày 23-5-2015 cụ Đ chết, ngày 03-02-2015 cụ U chết đều không để lại di chúc. Quá trình chung sống, cụ Đ và cụ U tạo lập được khối tài sản gồm nhà xây cấp 4, công, tường bao đã xuống cấp trên diện tích đất ở 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 388509 ngày 02-01-1997 đứng tên cụ Lâm Thị Đ . Nguồn gốc mảnh đất này là của bố mẹ cụ Đ để lại cho cụ Đ , quá trình cụ U chung sống với cụ Vũ Thị Hy, cụ U ít khi về gia đình. Từ khi cụ Đ , cụ U chết nhà đất 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL, bà và bà H đều có trách nhiệm trông coi quản lý

tài sản. Do nhà xây đã lâu, không còn giá trị sử dụng. Bà đề nghị Tòa án chia di sản là diện tích 334m² bằng hiện vật, bà xin nhận phần đất về phía tây giáp ao tập thể đồng thời đề nghị Tòa án đưa cụ Vũ Thị Hy tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị H , ông Nguyễn Ngọc S thống nhất trình bày: Bố mẹ các ông bà là cụ Nguyễn Văn U và cụ Vũ Thị Hy sinh được 03 người con là Nguyễn Thị T , Nguyễn Thị H , Nguyễn Ngọc S . Trước khi cụ Nguyễn Văn U sống với cụ Vũ Thị Hy, cụ U đã có vợ cả là cụ Lâm Thị Đ và có hai người con là Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H . Cụ U chết ngày 03-2-2015 không để lại di chúc. Tài sản của cụ U và cụ Đ để lại các ông bà không liên quan và tranh chấp gì. Nay bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng, các ông bà thống nhất từ chối nhận di sản của cụ U để lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng, cụ Vũ Thị Hy trình bày: Năm 1981, bà làm công nhân ở Tuyên Quang có quen biết và sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Văn U . Lúc đó bà biết ông U có vợ quê ở xã TL là bà Lâm Thị Đ . Quá trình chung sống vợ chồng với ông U tại tỉnh Tuyên Quang bà và ông U sinh được 03 người con là Nguyễn Thị T , Nguyễn Thị H và Nguyễn Ngọc S . Năm 1991 bà và ông U về huyện VB sinh sống và ở tại Thôn 2, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng. Năm 2015 ông U chết không để lại di chúc. Nay bà H đề nghị chia thừa kế đối với mảnh đất 334m², thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL đứng tên bà Lâm Thị Đ , bà không có ý kiến gì. Đối với diện tích đất và các công trình trên đất là của bà Lâm Thị Đ và ông Nguyễn Văn U , bà không có công sức đóng góp gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng định giá đã xem xét thẩm định tại chỗ và định giá các tài sản tại thửa đất 132, tờ bản đồ số 13; địa chỉ tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL , huyện VB, thành phố H Phòng như sau: Về đất ở: 348m² (4.000.000 đồng/m²). Công trình trên đất: Công trình phụ xây dựng nhà ở năm 1993 đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn giá trị sử dụng; bếp xây dựng năm 1993 đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn giá trị sử dụng; cổng tường bao; trị giá 3.313.884 đồng; làm tròn 3.314.000 đồng. Các đương sự không ai có ý kiến về giá.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác; Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều 95, Điều 99, Điều 167, điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai; Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959;

Về thời hiệu: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Lâm Thị Đ và cụ Nguyễn Văn U .

Về cách phân chia di sản: Di sản của cụ Đ , cụ U là 334m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực tế là 348,2m² đất tại thửa 132, tờ bản đồ số 13 tại Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-01-1997 có giá trị là 1.392.800.000 đồng được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là các con của cụ Đ và cụ U gồm các ông bà Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị T , Nguyễn Ngọc S . Quá trình giải quyết vụ án bà H , bà T , ông S đều từ chối nhận di sản của cụ Nguyễn Văn U . Do đó di sản thừa kế được chia cho 02 người con gồm bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ. Cụ Vũ Thị Hy xác nhận không có công sức đóng góp đối với tài sản là diện tích đất và các công trình trên đất nên không đặt ra xem xét giải quyết

Để đảm bảo các công trình trên đất, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà H 174,1m² đất về phía đông (giáp ao tập thể), bà H được sở hữu công trình trên đất được giao gồm tường bao có giá trị là 1.755.941 đồng; giao cho bà Đ 174,1m² đất về phía tây (giáp ao tập thể). Bà Đ sở hữu công trình trên đất được giao gồm tường bao, trụ cổng; cổng có giá trị là 1.557.942 đồng. Bà H và bà Đ thỏa thuận công trình trên phần đất của ai người đó quản lý sử dụng, không pH trả chênh lệch sang cho nhau. Tài sản của bà Đ được chia có giá trị là 697.957.942 đồng; tài sản bà H được chia có giá trị là 698.155.941 đồng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn nhận chịu chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H pH chịu 31.926.237 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng, bà H còn pH nộp tiếp 21.926.237 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ pH nộp 31.918.317 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện chia di sản thừa kế đối với bà Nguyễn Thị Đ; nơi cư trú: Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng. Tài sản tranh chấp là thửa đất 132, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố H Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị H , ông Nguyễn Ngọc S vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn U , chết ngày 03-02-2015, cụ Lâm Thị Đ , chết ngày 23-5-2015, vì vậy di sản thừa kế vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn U xây dựng gia đình với cụ Lâm Thị Đ từ trước năm 1971 nhưng không đăng ký kết hôn, theo luật Hôn nhân gia đình năm 1959 thì hôn nhân của cụ Đ và cụ U là hợp pháp. Cụ Đ , cụ U sinh được 02 người con là bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H . Năm 1981 cụ U chung sống như vợ chồng với cụ Vũ Thị Hy và sinh được 03 người con gồm bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc S . Cụ Đ và chị U không có con riêng, con nuôi. Bố mẹ đẻ cụ Đ , cụ U đều đã chết. Các con của cụ Đ , cụ U đều xác nhận cụ Đ , cụ U chết đều không để lại di chúc. Do đó di sản thừa kế của Đ , cụ U được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị T , Nguyễn Ngọc S . Quá trình giải quyết vụ án bà H , bà T , ông S đều từ chối nhận di sản của cụ Nguyễn Văn U . Xét yêu cầu từ chối nhận di sản của bà H , bà T , ông S là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội được chấp nhận. Do đó di sản thừa kế được chia cho 02 người con gồm bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ.

[4] Về di sản thừa kế: Cụ Lâm Thị Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện VB, thành phố H Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-01-1997 với diện tích 334m² tại thửa 132, tờ bản đồ số 13, Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng. Về hiện trạng thửa đất: Qua khảo sát thực tế diện tích là 348,2m², tăng 14,2m². Tại Công văn số 97/TNMT ngày 16-4-2024 và công văn số 185/TNMT ngày 11-6-2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB trả lời

thì bà Lâm Thị Đ là chủ sử dụng thửa đất 132, tờ bản đồ số 13, địa chỉ Thôn AD, xã TL, huyện VB, diện tích 334m². Ngày 19-01-2024 Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện VB thành lập đã tiến hành khảo sát đo đạc lại thửa đất trên hiện trạng thì xác định diện tích của thửa đất là 348,2m², tăng 14,2m². Đề nghị Tòa án công nhận diện tích thực tế. Trên cơ sở các tài liệu do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định di sản của Đ, cụ U để lại là 348,2m² đất tại thửa 132, tờ bản đồ số 13, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng.

[5] Về xem xét công sức tôn tạo, bảo quản giữ gìn di sản: Sau khi cụ Đ, cụ U chết, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ là những người trực tiếp quản lý trông coi giữ gìn đất. Bà H, bà Đ không yêu cầu Tòa án xem xét công sức bảo quản giữ gìn di sản vì đều có công sức ngang nhau trong việc bảo quản giữ gìn di sản. Do đó, không xem xét công sức bảo quản khi chia di sản này.

[6] Về việc phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn U và cụ Lâm Thị Đ: Quá trình giải quyết vụ án, bà H, bà Đ đề nghị chia đôi mảnh đất 348,2m² bằng hiện vật, bà H xin nhận phần đất phía đông, bà Đ xin nhận phần đất về phía tây. Xét yêu cầu của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế bằng hiện vật. Di sản của cụ U, cụ Đ là 348,2m² được chia làm 02 phần cho bà H, bà Đ mỗi người được chia 174,1m² có giá trị là 696.400.000 đồng.

[7] Theo sơ đồ thửa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19-01-2024 thì trên đất có nhà xây cấp 4, bếp xây dựng từ năm 1993 đến nay đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng. Cổng tường bao có giá trị 3.314.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H, bà Đ cùng thỏa thuận, phần cổng, tường bao trên phần đất của ai người đó được quản lý sử dụng không pH trả chênh lệch sang bên kia. Xét yêu cầu của đương sự hoàn toàn tự nguyện, do đó giao cho bà Nguyễn Thị Đ 174,1m² đất về phía tây (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý). Kích thước như sau: Phía bắc (giáp ngõ xóm): 9,70m; phía nam (giáp ông Lấn): 10,05m; phía tây (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý): 16,00m, 2,0m; phía đông (giáp phần đất bà H được chia): 15,92m có giá trị là 696.400.000 đồng. Giao cho Bà Nguyễn Thị H 174,1m² đất về phía đông (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý). Kích thước như sau: Phía bắc (giáp đường xóm): 11,60m; phía nam (giáp ông Lấn): 11,95m; Phía tây (giáp phần đất bà Đ được chia): 15,92m; Phía đông (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý): 13,80m, có giá trị là 696.400.000 đồng.

[8] Về công trình xây dựng của bà Nguyễn Thị Đ được giao là 3,75m tường bao có giá trị là 727.910 đồng; cổng trị giá 593.190 đồng; trụ cổng trị giá 236.842 đồng; tổng giá trị là 1.557.942 đồng; phần đất bà Nguyễn Thị H được giao có 4,2m tường bao cao 1,3m trị giá 815.258 đồng; 4,2m tường bao cao 1,5m trị giá 940.683

đồng; tổng giá trị là 1.755.941 đồng. Bà H và bà Đ thống nhất thỏa thuận, công trình trên đất của ai người đó được quản lý, sử dụng không pH thanh toán trả chênh lệch tài sản cho nhau

[9] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp chi phí tố tụng và xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị H đều pH chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 95, Điều 99, Điều 167, điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ các Điều 6, Điều 25, Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về chia di sản của cụ Nguyễn Văn U và cụ Lâm Thị Đ đối với 348,2m² đất tại thửa 132, tờ bản đồ số 13, Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng theo pháp luật.

2. Cụ thể về việc chia di sản thừa kế như sau:

2.1 Chia cho bà Nguyễn Thị Đ 174,1m² đất về phía tây (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý) tọa lạc tại thửa 132, tờ bản đồ số 13, Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng có giá trị là 696.400.000 đồng. Diện tích bao gồm các điểm: 1;2;5;6;7;1 (Có sơ đồ kèm theo). Kích thước như sau: Phía bắc (giáp ngõ xóm): 9,70m; phía nam (giáp ông Lán): 10,05m; phía tây (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý): 16,00m, 2,0m; Phía đông (giáp phần đất bà H được chia): 15,92m. Bà Đ được sở hữu các công trình trên đất được chia gồm 3,75m tường bao có giá trị là

727.910 đồng; công trị giá 593.190 đồng; trụ công trị giá 236.842 đồng; tổng giá trị tài sản là đất và các công trình bà Đ được chia có giá trị là 697.957.942 đồng

2.2 Chia cho Bà Nguyễn Thị H 174,1m² đất về phía tây (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý) tọa lạc tại thửa 132, tờ bản đồ số 13, Xóm 5, Thôn AD, xã TL, huyện VB, thành phố H Phòng có giá trị là 696.400.000 đồng. Diện tích bao gồm các điểm: 2;3;4;5;2 (Có sơ đồ kèm theo) : Kích thước như sau: Phía bắc (giáp đường xóm): 11,60m; phía nam (giáp ông Lấn): 11,95m; phía tây (giáp phần đất bà Đ được chia): 15,92m ; phía đông (giáp đất do Ủy ban nhân xã quản lý): 13,80m. Bà H được sở hữu các công trình trên đất được chia gồm có 4,2m tường bao cao 1,3m trị giá 815.258 đồng; 4,2m tường bao cao 1,5m trị giá 940.683 đồng; tổng giá trị tài sản là đất và các công trình trên đất bà H được chia có giá trị là 698.155.941 đồng

Bà Nguyễn Thị H không pH trả chênh lệch giá trị tài sản sang bà Nguyễn Thị Đ.

Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ chi phí thẩm định định giá tài sản và xin nhận chịu chi phí thẩm định định giá tài sản.

4. Về án phí:

4.1 Bà Nguyễn Thị H pH chịu 31.926.237 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0009216 ngày 25-12-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, bà H còn pH nộp số tiền là 21.926.237 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm hai mươi sáu đồng hai trăm ba mươi bảy đồng).

4.2 Bà Nguyễn Thị Đ pH chịu 31.918.317 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm mười tám nghìn ba trăm mười bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H Phòng;
- VKSND huyện VB,
- VKS ND thành phố H Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền